

# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG XÃ HỘI CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỌC TẠI HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH

Lê Thị Thu Hà

Trường Đại học Hồng Đức  
Email: lethithuha@hdu.edu.vn

## Article history

Received: 14/3/2023

Accepted: 07/4/2023

Published: 20/5/2023

## Keywords

Education management, educational activities, social skills, high school students

## ABSTRACT

Social skills education for school students in general and high school students in particular play an important role in helping them promote positive social behaviors and create appropriate impacts on each individual in social relationships. Therefore, high school principals need to manage this activity effectively. The article focuses on researching the current situation of managing social skills education activities for high school students in Yen Mo district, Ninh Binh province based on a sample of 164 administrators and teachers. The results show that the majority of administrators and teachers were fully aware of the importance of this work; The school administrators focused on planning, organizing, directing, checking and evaluating the activities and achieved fairly good results in all management stages. However, there are still some limitations and inadequacies that require timely measures to improve the effectiveness of the school's comprehensive education for students.

## 1. Mở đầu

Kĩ năng xã hội (KNXH) - một trong những kĩ năng sống quan trọng, cần thiết giúp con người thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực; đồng thời tạo những tác động phù hợp đối với mỗi cá nhân trong các mối quan hệ xã hội. HS THPT đã có sự trưởng thành cơ bản về mặt thể chất, nhân cách trí tuệ, năng lực lao động. Tuy nhiên, lứa tuổi vẫn đang ở thời kì phát triển, nhiều biến động nhưng cũng là thời kì chuẩn bị quan trọng nhất cho những bước trưởng thành sau này. HS lứa tuổi này cần được quan tâm giáo dục, rèn luyện nhiều hơn những KNXH cần thiết giúp cho các em có khả năng vận dụng những tri thức, kinh nghiệm để ứng phó và giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong học tập, quan hệ với thầy cô, bạn bè; quan hệ xã hội và những đòi hỏi, thử thách trong cuộc sống theo đúng chuẩn mực xã hội. Từ thực tế hiện nay cho thấy, các nhà trường THPT bước đầu đã có sự quan tâm đến công tác giáo dục kĩ năng xã hội (GDKNXH) cho HS; tuy nhiên kết quả chưa thực sự tốt. Vì vậy, bài báo tập trung nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình với mong muốn làm rõ hơn vấn đề này để có cơ sở đề xuất biện pháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện HS trường THPT trên địa bàn huyện.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm công cụ

- *KNXH*: Là những mẫu ứng xử tập nhiệm, do trải nghiệm, do bắt chước hoặc do học tập, rèn luyện mà có. Các hành vi và mẫu ứng xử này được xã hội chấp nhận, giúp một cá nhân có thể quyết định hành động và ứng xử một cách có hiệu quả với người khác, nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh, tránh được những hậu quả tiêu cực về mặt xã hội (Elliott & Gresham, 1987; Frank & Stephen, 1990). KNXH là một thuật ngữ chung để mô tả một chùm của các kĩ năng làm tăng tính hiệu quả của cá nhân trong tình huống xã hội (Lamont & Van Horn, 2013). Theo Lê Bích Ngọc (2009), KNXH gồm có: kĩ năng hợp tác; kĩ năng nhận và hoàn thành nhiệm vụ; kĩ năng thực hiện các quy tắc xã hội; kĩ năng giữ gìn đồ dùng, đồ chơi; kĩ năng quý trọng đồng tiền. Trần Vĩnh Hà (2020) cho rằng, KNXH là sự vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm của con người vào những điều kiện, hoàn cảnh, quan hệ xã hội, quá trình xã hội, được biểu hiện thông qua hành động, ứng xử, giao tiếp và thích ứng xã hội với những hiệu quả ở các mức độ nhất định. Từ các quan niệm về khái niệm KNXH ở trên, có thể hiểu: KNXH là khả năng con người có thể vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có để giải quyết có hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống theo đúng chuẩn mực của xã hội. KNXH giúp con người tự kiểm soát được hành vi của bản thân và kiểm soát được môi trường xung

quanh một cách thành công. KNXH của con người nói chung và của HS nói riêng không được hình thành một cách tự nhiên mà qua phải qua học tập, rèn luyện, trải nghiệm.

- GDKNXH: Theo Nguyễn Văn Hưng (2017), GDKNXH là một quá trình với những hoạt động giáo dục cụ thể nhằm tổ chức, điều khiển để HS biết cách chuyển dịch kiến thức (cái HS biết) và thái độ, giá trị (cái HS nghĩ, cảm thấy, tin tưởng) thành hành động thực tế (làm gì và làm cách nào) một cách tích cực và mang tính chất xây dựng. Nguyễn Thị Thu Hạnh (2021) thì cho rằng, GDKTXH là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch nhằm hình thành, phát triển các loại kỹ năng giúp người học nhận thức, ứng xử, giao tiếp và thích ứng thành công trong xã hội trên cơ sở nắm vững phương thức thực hiện, sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm phù hợp với điều kiện hoàn cảnh để người học áp dụng vào sự tương tác với mọi người xung quanh.

- *Quản lý hoạt động GDKNXH*: Có nhiều cách định nghĩa về “quản lý”, trong nghiên cứu này chúng tôi tiếp cận theo chức năng quản lý và định nghĩa như sau: *Quản lý hoạt động GDKNXH cho HS là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của hiệu trưởng đến GV, HS và những người liên quan thông qua lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá nhằm tạo ra sự hợp tác, phối hợp và sử dụng có hiệu quả các tiềm năng của họ trong nhà trường để đạt được mục tiêu về chất lượng hoạt động GDKNXH cho HS.*

## 2.2. Khái quát về tổ chức khảo sát

- *Địa bàn và khách thể khảo sát*: Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 44 CBQL, 120 GV của các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Thời gian khảo sát được tiến hành trong 2 năm học: 2021-2022, 2022-2023.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm: Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát, phương pháp xin ý kiến chuyên gia, phương pháp thống kê toán học.

- *Tiêu chí đánh giá và thang đo*: Chúng tôi tiếp cận theo chức năng quản lý bao gồm các tiêu chí như: Xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá hoạt động GDKNXH cho HS. Thang đo và tiêu chí đánh giá được thiết kế dưới dạng tự đánh giá của CBQL, GV về quản lý hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Các items của toàn thang đo sử dụng 4 mức độ và quy ước điểm theo các mức: Mức 1 (4 điểm): Mức tốt; Mức 2 (3 điểm): Mức độ khá; Mức 3 (2 điểm): Mức độ trung bình; Mức 4 (1 điểm): Mức độ yếu. Điểm tối đa của thang đo là 4 (max); điểm tối thiểu là 1 (min), do vậy điểm trung bình (ĐTB) giữa các mức độ của thang đo là 0,75. Với cách tính như vậy chúng tôi quy mức độ đánh giá: Mức 1:  $3,25 < ĐTB \leq 4,0$ ; Mức 2:  $2,50 < ĐTB \leq 3,25$ ; Mức 3:  $1,75 < ĐTB \leq 2,50$ ; Mức 4:  $ĐTB \leq 1,75$ .

## 2.3. Kết quả khảo sát

### 2.3.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV về tầm quan trọng của quản lý hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

Nội dung	SL và tỉ lệ % các mức								ĐTB	TB
	Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Xây dựng kế hoạch hoạt động GDKNXH cho HS	41	25,00	47	28,65	76	46,63	0	00,00	2,78	3
2. Tổ chức hoạt động GDKNXH cho HS	49	29,87	51	31,09	64	39,02	0	00,00	2,90	2
3. Chỉ đạo hoạt động GDKNXH cho HS	52	31,70	62	37,80	50	30,48	0	00,00	3,01	1
4. Kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDKNXH cho HS	43	26,22	45	27,43	72	43,90	4	0,61	2,77	4
<b>Tổng chung</b>		<b>28,2</b>		<b>31,25</b>		<b>39,93</b>			<b>2,86</b>	

Bảng 1 cho thấy: Đa số khách thể tham gia trả lời phiếu hỏi đều có chung nhận định, quản lý hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình có vai trò “*rất quan trọng*” và “*quan trọng*”, điều đó thể hiện ở ĐTB chung và tỉ lệ phân phối các mức độ. Cụ thể, ĐTB chung đạt 2,86 điểm, *mức độ 2 - mức độ quan trọng*. Tỉ lệ % *mức độ 1 - rất quan trọng*, chiếm 28,2%; *mức độ 2 - quan trọng*, chiếm 31,25%; *mức độ 3, ít quan trọng*, chiếm 39,93%.

Tuy nhiên, khi xét cụ thể từng nội dung ta nhận thấy, có sự khác nhau đôi chút về ĐTB và vị trí thứ bậc (TB), song tỉ lệ chênh lệch không đáng kể (dao động từ 2,77 đến 3,01). Nội dung “Chỉ đạo hoạt động GDKNXH cho HS” được CBQL, GV đánh giá khá cao nhất, ĐTB 3,01, mức độ 2 - mức độ quan trọng; xếp ở vị trí thứ 2 là “Tổ chức hoạt động GDKNXH cho HS”, ĐTB 2,9, mức độ 2 - mức độ quan trọng. Theo phân tích của quý thầy cô thì quản lý giáo dục là quy trình khép kín bao gồm nhiều cung đoạn từ xây dựng kế hoạch, đến kiểm tra, đánh giá có mối quan

hệ chặt chẽ với nhau, chi phối và hỗ trợ cho nhau, làm tốt ở khâu này sẽ giúp cho các khâu khác được hoàn thiện hơn, giảm thiểu những sai sót. Do vậy, tất cả các khâu trong quản lý hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô đều quan trọng. Tuy nhiên, nếu xét theo thứ tự ưu tiên thì công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện là khâu quan trọng hơn, bởi lẽ theo lí giải của một số GV thì chất lượng, hiệu quả hoạt động GDKNXH cho HS chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ việc quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động của GV. Do đó, công tác quản lý hoạt động GDKNXH cần tác động vào chất lượng giáo dục cá nhân thông qua việc tổ chức, chỉ đạo các hoạt động giáo dục của đội ngũ CBQL, GV.

Xếp ở vị trí thứ 3 là nội dung “Xây dựng kế hoạch hoạt động GDKNXH cho HS”, ĐTB 2,78, mức độ quan trọng. Cuối cùng là nội dung “Kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDKNXH cho HS”, tuy xếp ở vị trí thứ 4 nhưng ĐTB cũng khá cao, 2,77 điểm, mức độ quan trọng. Bởi theo CBQL, GV nhà trường, kiểm tra, đánh giá là nhằm phát hiện thực trạng của toàn bộ quy trình quản lý hoạt động giáo dục và có những biện pháp khắc phục kịp thời những thiếu sót, rút kinh nghiệm trong công tác quản lý cho nên không thể xem nhẹ.

### 2.3.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục kĩ năng xã hội cho học sinh

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV về mức độ xây dựng kế hoạch hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

Nội dung	SL và tỉ lệ % các mức								ĐTB	TB
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Lập kế hoạch GDKNXH cho HS theo kế hoạch năm học của nhà trường THPT	31	14,63	76	46,34	47	28,65	10	10,36	2,78	2
2. Xây dựng kế hoạch về lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức GDKNXH phù hợp với HS trường THPT	25	13,41	79	48,17	41	25,00	19	12,80	2,67	4
3. Lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho tổ chức các hoạt động GDKNXH cho HS	21	12,80	75	45,73	45	27,43	23	14,02	2,57	5
4. Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các hoạt động GDKNXH cho HS	51	31,09	73	44,51	36	21,95	4	7,92	3,01	1
5. Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng GDKNXH cho HS	25	15,24	82	50,00	46	28,04	11	6,70	2,73	3
<b>Tổng chung</b>		<b>17,43</b>		<b>45,95</b>		<b>26,21</b>		<b>10,36</b>		<b>2,75</b>

Xét một cách khái quát, bảng 2 cho thấy, CBQL, GV các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình đã rất chú trọng công tác xây dựng kế hoạch hoạt động GDKNXH cho HS. Điều đó thể hiện ở đánh giá của CBQL, GV đạt mức độ 2 (mức độ khá), với ĐTB tương đối cao, 2,75 điểm. Tỉ lệ % phân phối các mức độ cũng phản ánh điều đó. Tỉ lệ mức độ 1 chiếm 17,43%; mức độ 2 chiếm 45,95%; mức độ 3, 26,21%; mức độ 4, chiếm 10,36%.

Tổng số 5 nội dung mà chúng tôi đưa vào khảo sát thì cả 5/5 nội dung đạt mức độ 2, mức độ khá. Trong đó, kế hoạch lãnh đạo nhà trường đã chủ động, tập trung vào “Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các hoạt động GDKNXH cho HS”, ĐTB 3,01, mức độ khá, xếp thứ 1; tiếp theo là “Lập kế hoạch GDKNXH cho HS theo kế hoạch năm học của nhà trường THPT”, ĐTB 2,78, mức độ khá, xếp thứ 2; xếp vị trí thứ 3 là “Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng GDKNXH cho HS”, ĐTB 2,73, Theo đánh giá của các CBQL, GV, yếu tố quan trọng trong quản lý là xây dựng kế hoạch một cách cụ thể, rõ ràng trong tất cả các mặt, trong đó cần đặc biệt chú trọng đến sự thống nhất giữa kế hoạch GDKNXH cho HS với kế hoạch chung của nhà trường trong năm học, học kì. Bên cạnh đó, yếu tố mang lại sự thành công trong quản lý đó là huy động được sức mạnh của các lực lượng giáo dục, tạo nên sự thống nhất trong nhận thức cũng như hành động trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục. Do vậy, đây là những nội dung mà CBQL, GV đã rất coi trọng.

Tuy nhiên, nội dung “Xây dựng kế hoạch về lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức GDKNXH phù hợp với HS trường THPT huyện Yên Mô” (ĐTB 2,67) và “Lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho tổ chức các hoạt động GDKNXH cho HS” (ĐTB 2,57) được đánh giá thấp hơn đôi chút so với các nội dung khác. Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này, chúng tôi tiến hành phỏng vấn GV N.V.B, Thầy cho biết: “Sở dĩ những nội dung này chúng tôi thực hiện chưa tốt bởi vì, theo lộ trình áp dụng áp dụng Chương trình GDPT 2018, nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, GDKNXH cho HS bắt đầu thực hiện đối với lớp 10 từ năm học 2022-2023, Do vậy, việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chúng tôi còn gặp một số khó khăn nhất định...”. Điều này cho thấy, CBQL, GV nhà trường cần chú trọng hơn nữa trong việc lập kế hoạch lựa chọn nội

dung, hình thức phong phú và đa dạng thu hút các lực lượng tham gia, tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho các em có môi trường được rèn luyện, trải nghiệm, từ đó mới tích lũy cho mình những KNXH cần thiết. Đồng thời, xác định rõ trách nhiệm và cơ chế phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động GDKNXH cho HS cũng như cơ chế khen thưởng hợp lý đối với những tập thể, cá nhân có thành tích tốt.

Với kết quả như trên chúng ta thấy, công tác xây dựng kế hoạch hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình thực hiện chưa đồng đều. Điều này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục toàn diện HS của nhà trường, trong đó có GDKNXH. Chính vì vậy, đây là vấn đề có tính thời sự cần có những biện pháp quản lý hoạt động GDKNXH cho HS, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện trong các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

### 2.3.3. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh

*Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV về mức độ tổ chức hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình*

Nội dung	SL và tỉ lệ % các mức								ĐTB	TB
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động GDKNXH cho HS	31	18,9	81	49,39	44	26,82	8	4,87	2,82	2
2. Phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV và các lực lượng tham gia các hoạt động GDKNXH cho HS	23	14,02	79	48,17	41	25,00	21	12,80	2,63	5
3. Tổ chức tập huấn cho các lực lượng giáo dục cách thức GDKNXH cho HS	40	24,39	69	42,07	50	30,48	5	3,04	2,87	1
4. Thiết lập cơ chế quản lý hoạt động GDKNXH cho HS	26	15,58	76	46,34	48	29,26	14	10,36	2,69	3
5. Tổ chức thực hiện các hoạt động GDKNXH cho HS đúng kế hoạch	26	15,85	70	42,68	53	32,31	15	9,14	2,65	4
6. Đánh giá việc thực hiện GDKNXH cho HS	19	11,58	73	44,51	46	28,04	26	15,85	2,44	6
<b>Tổng chung</b>		<b>16,72</b>		<b>45,52</b>		<b>28,65</b>		<b>9,34</b>		<b>2,68</b>

Bảng 3 cho thấy: CBQL, GV các trường THPT huyện Yên Mô đã quan tâm đến việc tổ chức hoạt động GDKNXH cho HS, ĐTB 2,68, mức độ khá. Tỉ lệ phân phối các các mức độ cũng phản ánh điều đó, với 16,72% mức độ tốt; 45,52% mức độ khá; 28,65% mức độ trung bình, và chỉ 9,34% mức độ yếu. Một số nội dung được đánh giá cao đó là “Tổ chức tập huấn cho các lực lượng giáo dục cách thức GDKNXH cho HS” (ĐTB 2,87), mức độ khá, xếp thứ nhất; “Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động GDKNXH cho HS” (ĐTB 2,82), mức độ khá; tiếp đến là “Thiết lập cơ chế quản lý hoạt động GDKNXH cho HS” (ĐTB 2,69); xếp thứ 4 là nội dung “Tổ chức thực hiện các hoạt động GDKNXH cho HS đúng kế hoạch” (ĐTB 2,65).

Trong quá trình tổ chức hoạt động GDKNXH cho HS thì việc “Tổ chức thực hiện các hoạt động GDKNXH cho HS đúng kế hoạch” (ĐTB 2,65) và “Phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV và các lực lượng tham gia các hoạt động GDKNXH cho HS” (ĐTB 2,63) là khá quan trọng, song nội dung này CBQL, GV đánh giá chưa cao so với các nội dung khác. Đặc biệt đáng quan tâm là nội dung “Đánh giá việc thực hiện GDKNXH cho HS” (ĐTB 2,44) mới đạt mức trung bình.

Để kiểm chứng độ tin cậy của kết quả này, chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu, thầy N.V.N đã chia sẻ: “Việc phân công nhiệm vụ cho CBQL, GV và các lực lượng giáo dục khác thực hiện nhiệm vụ GDKNXH cho HS gặp khá nhiều khó khăn, bởi vì một bộ phận cán bộ GV kỹ năng tổ chức này chưa thực sự tốt; hơn nữa nhiệm vụ giảng dạy cũng chiếm khá nhiều thời gian của các thầy cô giáo nên việc phân công phân nhiệm CBQL, phụ trách cũng chưa thực sự khoa học, đôi khi chông chéo. Hơn nữa, công tác GDKNXH cho HS vừa mới đưa vào triển khai áp dụng quy mô và bài bản trong nhà trường nên tổ chức kiểm tra đánh giá cũng chưa được thường xuyên, liên tục...”. Kết quả này cho thấy, cần có những biện pháp quản lý hữu hiệu, nhất là khâu đánh giá việc thực hiện góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

### 2.3.4. Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh

*Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV về mức độ chỉ đạo hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình*

Nội dung	SL và tỉ lệ % các mức								ĐTB	TB
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Chỉ đạo lập kế hoạch hoạt động GDKNXH cho HS	26	15,85	84	51,22	49	29,87	5	3,04	2,79	2
2. Chỉ đạo xác định các chủ đề tổ chức hoạt động GDKNXH cho HS	30	18,29	81	49,39	42	26,22	10	6,09	2,78	3

3, Chỉ đạo xác định mục tiêu hoạt động GDKNXH cho HS	37	22,56	79	48,17	45	27,43	3	1,82	2,91	1
4, Chỉ đạo lựa chọn nội dung, chương trình hoạt động GDKNXH cho HS	22	13,41	69	42,07	57	34,75	16	9,75	2,59	4
5, Chỉ đạo việc lựa chọn các con đường tổ chức hoạt động GDKNXH cho HS	23	14,02	66	40,24	51	31,01	24	14,63	2,53	6
6, Chỉ đạo lựa chọn các điều kiện để thực hiện GDKNXH cho HS	19	11,58	67	40,85	53	32,31	25	15,24	2,48	7
7, Chỉ đạo việc phối hợp thực hiện GDKNXH giữa các lực lượng giáo dục	24	12,80	60	36,58	63	38,41	17	12,19	2,55	5
<b>Tổng chung</b>		<b>15,50</b>		<b>44,07</b>		<b>31,42</b>		<b>8,96</b>	<b>2,66</b>	

Bảng 4 cho thấy: Phần lớn khách thể tham gia khảo sát đã đánh giá mức độ chỉ đạo hoạt động GDKNXH cho HS ở các trường THPT trên địa bàn huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình ở mức độ 2 (mức độ khá), với ĐTB chung khá cao, 2,66 điểm. Tỷ lệ % của mức độ 1 chiếm 15,50%; mức độ 2 chiếm 44,70%; mức độ 3 chiếm 31,42%; mức độ 4 chiếm tỷ lệ không đáng kể, 8,96%.

Đi sâu phân tích từng nội dung thì có sự chênh lệch đôi chút về vị trí thứ bậc. Trong tổng số 7 tiêu chí mà chúng tôi đề cập đến thì 6/7 tiêu chí đạt mức độ 2 (mức độ khá), cụ thể như: “Chỉ đạo xác định mục tiêu hoạt động GDKNXH cho HS” (ĐTB 2,91); “Chỉ đạo lập kế hoạch hoạt động GDKNXH cho HS” (ĐTB 2,79); “Chỉ đạo xác định các chủ đề tổ chức hoạt động GDKNXH cho HS” (ĐTB 2,78); “Chỉ đạo lựa chọn nội dung, chương trình hoạt động GDKNXH cho HS” (ĐTB 2,59).

Trong công tác chỉ đạo, việc phối hợp các lực lượng giáo dục; lựa chọn linh hoạt các con đường giáo dục, phù hợp với mục tiêu, nội dung và lựa chọn các điều kiện nhằm phục vụ hoạt động GDKNXH cho HS là những yếu tố then chốt, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động này. Song, những nội dung này thực hiện chưa thực sự tốt, với ĐTB lần lượt là ĐTB 2,55 và ĐTB 2,53. Điều đáng quan tâm hơn nữa đó là nội dung “Chỉ đạo lựa chọn các điều kiện để thực hiện GDKNXH cho HS”, ĐTB thấp, 2,48 điểm, mức độ trung bình. Đây cũng hạn chế chung của nhiều trường THPT trên địa tỉnh Ninh Bình nói chung và huyện Yên Mô nói riêng. Qua tìm hiểu chúng tôi được biết, Ban Giám hiệu các nhà trường THPT huyện Yên Mô đã có sự quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch hoạt động GDKNXH cho HS, xác định mục tiêu, nội dung, chương trình hoạt động; phân công phân nhiệm cho các cá nhân, từng bộ phận và tập trung chỉ đạo, điều hành các khâu trong quá trình thực hiện. Song trên thực tế vẫn còn một số nội dung kết quả chưa thực sự như kì vọng. Có nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan dẫn đến thực trạng này, trong đó một bộ phận CBQL, GV nhận thức chưa đầy đủ, đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động GDKNXH đối với công tác giáo dục toàn diện HS; mặt khác, kĩ năng tổ chức hoạt động hạn chế dẫn đến việc khó khăn, lúng túng trong lựa chọn nội dung, hình thức và con đường GDKNXH phù hợp. Hoạt động GDKNXH cho HS nhà trường vừa được triển khai áp dụng trên diện rộng nên việc bố trí, sắp xếp các nguồn lực, điều kiện cơ sở vật chất thiết yếu chưa được đảm bảo. Điều này cho thấy, CBQL các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình cần quan tâm hơn nữa hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kĩ năng tổ chức hoạt động GDKNXH cho HS của GV nhà trường, đầu tư các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết nhằm đảm bảo cho hoạt động này mang lại hiệu quả thiết thực hơn nữa.

### 2.3.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục kĩ năng xã hội cho học sinh

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV về mức độ kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

Nội dung	SL và tỉ lệ % các mức								ĐTB	TB
	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNXH cho HS thông qua việc tổ chức hoạt động dạy học trên lớp	24	14,63	65	39,63	65	39,63	10	6,09	2,62	2
2. Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch GDKNXH cho HS qua việc tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ	22	13,41	47	28,65	75	45,73	20	12,19	2,43	6
3. Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch GDKNXH cho HS thông qua hoạt động trải nghiệm	26	15,85	47	28,65	70	42,68	21	12,80	2,47	5
4. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch GDKNXH thông qua việc tổ chức các hội thi	27	16,46	41	25,00	71	43,29	25	15,24	2,42	7
5. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch GDKNXH cho HS thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao	31	18,90	61	37,19	69	42,07	3	1,82	2,73	1

6. Kiểm tra, đánh giá việc phối hợp với các lực lượng GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô	29	17,68	51	31,09	63	38,41	20	12,19	2,53	4
7. Kiểm tra, đánh giá việc sử dụng các thiết bị, kinh phí phục vụ cho các hoạt động GDKNXH cho HS trường THPT huyện Yên Mô	34	20,73	50	30,48	61	37,19	19	11,58	2,60	3
<b>Tổng chung</b>		<b>16,80</b>		<b>31,52</b>		<b>41,28</b>		<b>10,27</b>		<b>2,54</b>

Bảng 5 cho thấy, CBQL, GV các trường THPT huyện Yên Mô đã chú ý, quan tâm chỉ đạo đến công tác kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDKNXH cho HS, với ĐTB 2,54, *mức độ 2 - mức độ khá*. Trong số 7 nội dung chúng tôi đưa vào khảo sát, có 4/7 nội dung được đánh giá ở *mức độ 2 - mức độ khá*. Cụ thể là “Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch GDKNXH cho SV thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao” (ĐTB 2,73); “Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch hoạt động GDKNXH cho HS thông qua việc tổ chức hoạt động dạy học trên lớp” (ĐTB 2,62); “Kiểm tra, đánh giá việc sử dụng các thiết bị, kinh phí phục vụ cho các hoạt động GDKNXH cho HS trường THPT huyện Yên Mô” (ĐTB 2,60); “Kiểm tra, đánh giá việc phối hợp với các lực lượng GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô” (ĐTB 2,53). Sở dĩ các tiêu chí này được CBQL, GV đánh giá cao hơn vì đây cũng chính là hình thức GDKNXH được quý thầy cô tổ chức nhiều nhất, thông qua hoạt động giảng dạy trên lớp và các hoạt động văn nghệ, thể thao kết hợp kiểm tra, đánh giá kế hoạch thực hiện cũng như hiệu quả công tác GDKNXH cho HS nhà trường.

Một số nội dung còn lại được CBQL, GV đánh giá thực hiện chưa cao, đó là “Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch GDKNXH cho HS thông qua hoạt động trải nghiệm, tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ, tổ chức các hội thi”. Điều này cho thấy, nhà trường cần chú trọng hơn nữa công tác kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động GDKNXH cho HS.

### 3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, phần lớn CBQL, GV đã nhận thức cơ bản đầy đủ, đúng đắn về sự cần thiết, tầm quan trọng của quản lý hoạt động GDKNXH cho HS các trường THPT huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. CBQL nhà trường đã chú trọng đến công tác quản lý hoạt động này và đã đạt được những kết quả nhất định. Điều đó được thể hiện ở đánh giá của CBQL, GV về các chức năng quản lý đều đạt mức độ khá. Tuy nhiên, quá trình quản lý hoạt động GDKNXH cho HS vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định cần khắc phục, như: công tác xây dựng kế hoạch chưa đồng đều trên tất cả các nội dung; việc tổ chức hoạt động GDKNXH cho HS chưa phong phú, đa dạng; kinh phí, cơ sở vật chất trang thiết bị còn thiếu; công tác kiểm tra, đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục; việc tổ chức phối hợp của các lực lượng GDKNXH cho HS còn chưa đồng bộ. Điều này ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả quản lý hoạt động GDKNXH cho HS. Những căn cứ thực tiễn trên đây đã đặt ra yêu cầu cấp thiết cho các nhà quản lý giáo dục, các thầy cô giáo và các cơ quan hữu quan đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động GDKNXH cho HS, hoàn thành mục tiêu giáo dục toàn diện của nhà trường.

### Tài liệu tham khảo

- Elliott, S. N., & Gresham, F. M. (1987). Children's social skills: Assessment and classification practices. *Journal of Counseling & Development*, 66(2), 96-99.
- Frank, M. G., & Stephen, N. E. (1990). *Social Behavior and Skills in Children*. Springer Publishing.
- Lamont, A., & Van Horn, M. L. (2013). Heterogeneity in parent-reported social skill development in early elementary school children. *Social Development*, 22(2), 384-405.
- Lê Bích Ngọc (2009). *Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ từ 5 đến 6 tuổi*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Thu Hạnh (2021). *Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trải nghiệm*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Văn Hưng (2017). *Giáo dục kỹ năng xã hội cho học sinh khuyết tật trí tuệ lớp 1 hòa nhập*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Trần Vĩnh Hà (2020). *Quản lý bồi dưỡng kỹ năng xã hội cho sinh viên ở các trường đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay*. Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng.